

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ TÀI CHÍNH

HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

LÊ THỊ ÁNH

**HOÀN THIỆN PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
TẠI CÁC DOANH NGHIỆP THUỘC TẬP ĐOÀN
BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM**

Chuyên ngành : Kế toán

Mã số : 9.34.03.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

HÀ NỘI - 2022

**Công trình được hoàn thành
tại Học viện Tài chính**

Người hướng dẫn khoa học: PGS,TS. Nghiêm Thị Thà

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

**Luận án sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án
cấp Học viện, họp tại Học viện Tài chính**

Vào hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm 2022

**Có thể tìm hiểu luận án tại Thư viện Quốc gia
và Thư viện Học viện Tài chính**

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài luận án

Phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp (BCTCDN) là một trong những công cụ quản lý tài chính hữu ích, giúp cho các chủ thể quản lý ra quyết định phù hợp với từng mục tiêu quan tâm. Thông qua phân tích BCTCDN, giúp cho các nhà quản lý thấy rõ thực trạng hoạt động tài chính hiện tại và dự đoán được tiềm năng cũng như các nguy cơ rủi ro tài chính của doanh nghiệp (DN) trong tương lai, cung cấp căn cứ thích hợp để các nhà quản lý DN đưa ra quyết định phù hợp với mục tiêu của mỗi bên. Vì vậy, chủ đề phân tích BCTCDN luôn thu hút sự quan tâm của giới nghiên cứu, các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức tín dụng, nhà đầu tư và nhất là các nhà quản lý DN. Đã có nhiều công trình nghiên cứu trong và ngoài nước về chủ đề này với những kết quả nghiên cứu khác nhau, thậm chí mâu thuẫn nhau tùy thuộc vào không gian, thời gian, mục tiêu và phương pháp nghiên cứu, bởi vậy, chủ đề này rất cần những nghiên cứu chuyên sâu nhằm hoàn thiện phân tích, nhất là các DN có các đặc điểm đặc thù riêng.

Các DN thuộc Tập đoàn VNPT hoạt động trong lĩnh vực đặc thù là kinh doanh dịch vụ bưu chính, viễn thông, sự phát triển của các DN này có tác động không nhỏ đến quá trình chuyển đổi số của Chính phủ. Các DN này đang trong quá trình thực hiện kế hoạch tái cấu trúc, cổ phần hóa, thoái dần vốn nhà nước nhưng quá trình cổ phần hóa Tập đoàn VNPT hiện chậm so với tiến độ kế hoạch được Chính phủ phê duyệt. Tập đoàn VNPT đang tìm biện pháp tháo gỡ những vướng mắc về quản lý tài chính để cổ phần hóa thuận lợi. Mặt khác, tình hình tài chính, hiệu quả kinh doanh và năng lực cạnh tranh của một số DN trong Tập đoàn những năm qua thấp hơn so với tiềm năng và các đối thủ trong ngành. Mặc dù, các DN đều đã cố gắng sử dụng các công cụ quản trị DN hiện đại, trong đó công cụ phân tích BCTCDN phục vụ việc quản lý, giám sát tài chính của chủ sở hữu và điều hành DN theo quy định. Tuy nhiên, việc sử dụng công cụ phân tích BCTC những năm qua tại các DN thuộc Tập đoàn VNPT còn đơn giản, hình thức dẫn đến kết quả phân tích BCTCDN cung cấp cho các

nhà quản lý DN và các bên liên quan chưa đầy đủ, toàn diện, kịp thời, chưa đáp ứng được yêu cầu của các nhà quản lý. Nghiên cứu thực trạng phân tích BCTC, tìm giải pháp giúp DN thuộc tập đoàn VNPT thực hiện phân tích BCTCDN một cách toàn diện, đồng bộ và hiệu quả hơn đã và đang trở nên cấp bách.

Xuất phát từ yêu cầu lý luận và thực tiễn trên, nghiên cứu sinh lựa chọn đề tài **“Hoàn thiện phân tích báo cáo tài chính tại các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam”** làm luận án tiến sĩ của mình.

2. Tổng quan về tình hình nghiên cứu

2.1. Các công trình nghiên cứu về phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp

2.1.1. Các công trình nghiên cứu về tổ chức phân tích BCTCDN

2.1.1.1. Các công trình nghiên cứu về tổ chức bộ máy, quy trình phân tích BCTCDN

Các nghiên cứu về tổ chức bộ máy phân tích BCTCDN của các tác giả đã công bố, đã cơ bản làm rõ các yếu tố cơ bản để tổ chức bộ máy phân tích BCTC của các DN nói chung, vận dụng vào 1 số các DN thuộc các ngành nghề kinh doanh cụ thể. Tuy nhiên, các nghiên cứu đều cho thấy sự thiếu hụt về hành lang pháp lý để các DN tổ chức bộ máy phân tích BCTCDN, mô hình phân tích BCTCDN phù hợp cho loại hình DN tương tự như các DN thuộc Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam.

Các công trình nghiên cứu về quy trình phân tích BCTCDN đều công bố lý thuyết chung về tổ chức quy trình phân tích BCTC của các DN nói chung, chứ chưa có hướng dẫn cụ thể đối với từng loại DN, kể cả các DN thuộc Tập đoàn VNPT.

2.1.1.2. Các công trình nghiên cứu về phương pháp phân tích BCTCDN

* Nghiên cứu phương pháp đánh giá BCTC DN

* Nghiên cứu phương pháp phân tích nhân tố

* Nghiên cứu phương pháp dự báo trong phân tích BCTCDN

NCS nhận thấy càng các công trình nghiên cứu được thực hiện về sau thì càng có sự hoàn thiện về phương pháp phân tích trên cơ sở kế thừa và phát triển, nhưng tính đồng bộ, phù hợp và hiệu quả của các phương pháp phân tích không phải lúc nào cũng đạt được. Từ các nghiên cứu lý thuyết và thực nghiệm đã công bố của các tác giả nghiên cứu các phương pháp phân tích BCTC ở các không gian, thời gian, loại hình DN và mục đích nghiên cứu khác nhau giúp NCS hệ thống hóa, kế thừa kết quả nghiên cứu để vận dụng vào công trình nghiên cứu của mình nhằm đảm bảo tính đồng bộ, phù hợp và hiệu quả hơn.

2.1.2. Các công trình nghiên cứu về nội dung phân tích BCTC DN

2.1.2.1. Các công trình nghiên cứu nội dung phân tích BCTCDN theo chu trình tài chính DN

NCS cho rằng cách tiếp cận nội dung phân tích BCTC theo chu trình tài chính DN là phù hợp khi thực hiện phân tích tài chính DN. Đối với hoạt động phân tích báo cáo tài chính DN, cần phân tích trên từng BCTC và mối quan hệ giữa các BCTC.

2.1.2.2. Các công trình nghiên cứu nội dung phân tích BCTC DN theo cơ sở dữ liệu phân tích

Các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước trên đều đã đưa ra quan điểm và hướng dẫn phân tích BCTC theo dữ liệu phân tích bao gồm phân tích từng BCTC và phân tích liên BCTC của DN. Cách phân tích này đã đem lại hiệu quả cao cũng như làm rõ vai trò phân tích BCTC là công cụ phục vụ quản lý. Tuy nhiên, đây là những sự hướng dẫn chung cho các DN trong nền kinh tế, chưa có sự hướng dẫn về nội dung phân tích BCTC theo dữ liệu phân tích cho đối tượng cụ thể là các DN thuộc Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam.

2.2. Đánh giá tổng quan nghiên cứu và xác định khoảng trống nghiên cứu

Những kết quả đạt được từ các công trình nghiên cứu đã công bố

- Các nghiên cứu đã hệ thống hóa được cơ sở lý luận về phân tích BCTC DN thông qua nghiên cứu về bộ máy phân tích, dữ liệu phân tích và quy trình phân tích, phương pháp phân tích và nội dung phân tích BCTC DN.

- Các nghiên cứu đã tiếp cận và đề xuất giải pháp hoàn thiện phân tích BCTC cho các DN nghiên cứu, dựa trên thực trạng và đặc thù của các DN đó ở các phạm vi không gian và thời gian cụ thể.

Khoảng trống nghiên cứu:

+ Làm rõ hơn cơ sở lý luận và thực tiễn về tổ chức bộ máy phân tích BCTC tại các DNNN đang trong quá trình chuyển đổi hình thức sở hữu thông qua cổ phần hóa.

+ Quy trình phân tích BCTCDN hầu hết đều đề cập có 3 giai đoạn. Tuy nhiên, nội hàm và sản phẩm của từng giai đoạn phân tích BCTCDN còn thiếu thống nhất, nhất là giai đoạn thực hiện công tác phân tích BCTCDN và công bố kết quả, theo dõi, đánh giá việc DN và các bên liên quan thực hiện các khuyến nghị từ kết quả phân tích tại các DNNN.

+ Về phương pháp phân tích BCTCDN còn thiếu tính đồng bộ, lý luận và thực tiễn về phương pháp dự báo, nhất là dự báo rủi ro phá sản tại các DN còn khoảng trống khá lớn.

+ Về nội dung phân tích BCTC DN, hầu hết các công trình đã tiếp cận nội dung phân tích BCTCDN theo chu trình tài chính DN với mục đích phục vụ cho quản trị tài chính DN, trong khi phân tích BCTCDN theo cơ sở dữ liệu chính là các BCTC ít được tiếp cận, điều này khiến các DN khó vận dụng phân tích BCTC vào thực tế. Đặc biệt, chưa có công trình nào nghiên cứu về nội dung phân tích BCTC tại các DN thuộc Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, cũng như đề xuất các chỉ tiêu phân tích BCTC phù hợp với ngành nghề kinh doanh của các DN này để nâng cao năng lực quản trị tài chính DN.

3. Mục tiêu nghiên cứu của luận án

*** Mục tiêu nghiên cứu**

✓ Mục tiêu tổng quát:

Nghiên cứu lý luận và thực tiễn về phân tích BCTCDN nhằm đề xuất hệ thống giải pháp hoàn thiện phân tích BCTC tại các DN thuộc Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam.

✓ **Mục tiêu cụ thể:**

- Hệ thống hóa và làm rõ hơn cơ sở lý luận và thực tiễn về phân tích BCTC DN

- Nghiên cứu làm rõ thực trạng phân tích BCTC tại các DN thuộc Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam giai đoạn 2014-2021

- Đề xuất hệ thống giải pháp hoàn thiện phân tích BCTC tại các DN thuộc Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- *Đối tượng nghiên cứu của luận án:* Phân tích báo cáo tài chính tại các DN thuộc Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam.

- *Phạm vi nghiên cứu của luận án:*

- Về nội dung: Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp hoàn thiện phân tích BCTC tại các DN thuộc VNPT

- Về thời gian: Luận án nghiên cứu dữ liệu về các DN thuộc VNPT giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2021.

- Về không gian: Luận án nghiên cứu 27 DN gồm: Công ty mẹ VNPT, 26 DN thuộc Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) hạch toán độc lập, VNPT đầu tư 1 phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ, hoạt động liên tục giai đoạn 2014 đến năm 2021.

5. Câu hỏi nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu đề ra, luận án cần giải quyết những câu hỏi sau:

- Lý luận cơ bản về phân tích BCTC DN như thế nào?

- Đã có những kinh nghiệm thực tiễn nào về phân tích BCTC DN trên thế giới có thể áp dụng tại các DN Việt Nam?

- Thực trạng phân tích BCTC tại các DN thuộc Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam VNPT thời gian qua như thế nào?

- Những kết quả đạt được và hạn chế cơ bản về phân tích BCTC tại các DN thuộc Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam VNPT thời gian qua như thế nào?

- Những giải pháp hoàn thiện phân tích BCTC tại các DN thuộc Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam trong thời gian tới như thế nào để góp phần nâng cao hiệu quả quản trị tài chính cho các DN này?

6. Quy trình và phương pháp nghiên cứu

Quá trình nghiên cứu của luận án bao gồm các bước: (1) thu thập tài liệu thứ cấp để tìm hiểu tổng quan và xác định khoảng trống nghiên cứu; (2) xây dựng khung lý thuyết; (3) tìm hiểu và đánh giá thực trạng; (4) đưa ra các giải pháp hoàn thiện nội dung nghiên cứu.

Luận án sử dụng kết hợp cả hai phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu định lượng để đạt mục tiêu nghiên cứu đề ra. Trong đó, nghiên cứu định tính được thực hiện thông qua việc sưu tầm, lựa chọn tài liệu, thống kê, đối chiếu, so sánh, tổng hợp, hệ thống hoá lý thuyết, điều tra, khảo sát, phỏng vấn các đối tượng có liên quan nhằm thu thập thông tin phục vụ cho việc đánh giá thực trạng phân tích BCTC tại các DN thuộc Tập đoàn VNPT.

Phương pháp định lượng được tiến hành thông qua việc thu thập các dữ liệu bằng số, sử dụng phương pháp thống kê mô tả, phần mềm STATA nhằm tóm tắt dữ liệu, tổng hợp và phân tích kết quả của các dữ liệu định lượng dưới dạng bảng, biểu số liệu, để đánh giá thực trạng phân tích BCTC DN và đề xuất giải pháp hoàn thiện phân tích BCTC tại các DN thuộc Tập đoàn VNPT.

7. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài nghiên cứu

- *Ý nghĩa khoa học*: Luận án góp phần hệ thống hóa và làm sáng tỏ thêm lý luận cơ bản về phân tích BCTC tại DN.

- *Ý nghĩa thực tiễn*: Luận án đánh giá toàn diện thực trạng và đề xuất hệ thống giải pháp hoàn thiện phân tích BCTC tại các DN thuộc VNPT góp phần nâng cao hiệu quả quản trị tài chính các DN.

8. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, nội dung của luận án được kết cấu:

Chương 1: Lý luận cơ bản về phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng phân tích báo cáo tài chính tại các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Bru chính Viễn thông Việt Nam

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện phân tích báo cáo tài chính tại các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Bru chính Viễn thông Việt Nam

Chương 1

LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

1.1. TỔNG QUAN VỀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

1.1.1. Tổng quan về báo cáo tài chính doanh nghiệp

1.1.1.1. Khái niệm về báo cáo tài chính doanh nghiệp

Báo cáo tài chính là báo cáo thể hiện sức khỏe tài chính của DN. BCTC trình bày một cách tổng quát, toàn diện tình hình tài sản, nguồn vốn, tình hình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp (DN) trong một kỳ kế toán, ngoài ra còn phản ánh việc hình thành và sử dụng lượng tiền phát sinh trong kỳ báo cáo của DN. Mục đích của việc lập BCTC là cung cấp các thông tin kinh tế, tài chính cho các đối tượng có nhu cầu sử dụng thông tin trong và ngoài doanh nghiệp.

1.1.1.2. Hệ thống báo cáo tài chính doanh nghiệp

Hệ thống BCTC DN theo thông tư 200/2014/TT-BTC bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

1.1.1.3. Nội dung chủ yếu của báo cáo tài chính doanh nghiệp

- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

1.1.2 Tổng quan về phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp

1.1.2.1. Khái niệm phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp

Phân tích BCTCDN là việc sử dụng một cách có hệ thống các phương pháp phân tích để xem xét, đánh giá dữ liệu trên BCTC và các thông tin có liên quan, từ đó đưa ra những nhận định tình hình tài chính ở quá khứ, hiện tại và đưa ra những dự báo trong tương lai, phục vụ cho việc ra quyết định của các đối tượng có nhu cầu sử dụng thông tin.

1.1.2.2. Mục đích phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp

Cung cấp thông tin thích hợp cho việc ra quyết định của các nhà quản lý có lợi ích liên quan đến DN

1.2. TỔ CHỨC PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

1.2.1. Tổ chức bộ máy, quy trình phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp

Tổ chức bộ máy phân tích BCTCDN là việc lựa chọn, sắp xếp và quy định về mô hình, con người, phương tiện và tài liệu để DN thực hiện phân tích BCTCDN đáp ứng yêu cầu của DN. Quy trình phân tích BCTCDN là việc thiết kế các bước thực hiện phân tích BCTCDN theo mục tiêu đặt ra

1.2.2. Phương pháp phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp

1.2.2.1. Phương pháp đánh giá

1.2.2.2. Phương pháp phân tích nhân tố

1.2.2.3. Phương pháp dự báo

1.3. NỘI DUNG PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

1.3.1. Phân tích Bảng cân đối kế toán DN

1.3.1.1. Phân tích tình hình huy động vốn của doanh nghiệp

Phân tích thực trạng và xu hướng biến động về quy mô nguồn vốn, cơ cấu nguồn vốn, tình hình bảo toàn vốn nhà nước (với DNNN) bằng các phương pháp phân tích phù hợp để phục vụ các nhà quản trị tài chính DN

hoạch định và giám sát, điều chỉnh chính sách huy động vốn của DN ngày càng hiệu quả hơn.

1.3.1.2. Phân tích tình hình đầu tư của doanh nghiệp

Phân tích thực trạng và xu hướng biến động của danh mục đầu tư, tình hình tài sản bằng phương pháp phân tích phù hợp, phục vụ các nhà quản trị hoạch định, giám sát, điều chỉnh chính sách đầu tư hiệu quả hơn.

1.3.1.3. Phân tích tình hình tài trợ của doanh nghiệp

Phân tích mức độ độc lập, tự chủ tài chính thông qua khả năng tự tài trợ VCSH và sự ổn định tài chính trong tài trợ bằng các phương pháp phù hợp, phục vụ việc ra quyết định cho nhà quản trị hiệu quả.

1.3.1.4. Phân tích công nợ doanh nghiệp

Phân tích quy mô nợ, cơ cấu nợ, nợ phải thu khó đòi tại DN bằng phương pháp phù hợp để đưa ra các quyết định quản trị hiệu quả.

1.3.1.5. Phân tích khả năng thanh toán của doanh nghiệp

Phân tích khả năng thanh toán tại DN với các chỉ tiêu khả năng thanh toán tổng quát, khả năng thanh toán ngắn hạn, khả năng thanh toán dài hạn bằng các phương pháp phân tích phù hợp, phục vụ nhà quản trị.

1.3.2. Phân tích Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh của DN

1.3.2.1. Phân tích kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Phân tích thực trạng và xu hướng biến động về thu nhập, doanh thu, chi phí của DN bằng các phương pháp phân tích hợp lý để cung cấp thông tin cho nhà quản trị ra quyết định.

1.3.2.2. Phân tích tình hình quản trị chi phí và sức sinh lời hoạt động của DN

Phân tích tình hình quản trị chi phí và sức sinh lời hoạt động của DN bằng các phương pháp và chỉ tiêu phù hợp để đưa ra những đánh giá phục vụ việc ra quyết định cho nhà quản trị.

1.3.3. Phân tích Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của doanh nghiệp

1.3.3.1. Phân tích khả năng tạo tiền của doanh nghiệp

Phân tích quy mô tạo ra tiền của từng hoạt động và của cả DN, xác định cơ cấu dòng tiền và hệ số tạo tiền bằng phương pháp phù hợp để đưa ra đánh giá và phục vụ việc ra quyết định quản trị DN.

1.3.3.2. Phân tích tình hình lưu chuyển tiền tệ của DN

Phân tích lưu chuyển tiền thuần trong kỳ tại DN bằng các phương pháp phù hợp để phục vụ việc ra quyết định.

1.3.4. Phân tích liên báo cáo tài chính doanh nghiệp

1.3.4.1. Phân tích hiệu suất sử dụng vốn kinh doanh

1.3.4.1.1. Phân tích hiệu suất sử dụng vốn kinh doanh

Phân tích thực trạng và sự biến động của chỉ tiêu hiệu suất sử dụng vốn kinh doanh tại DN bằng phương pháp phân tích phù hợp, phục vụ việc ra quyết định.

1.3.4.1.2. Phân tích tốc độ luân chuyển vốn lưu động

Phân tích số vòng quay vốn lưu động, Kỳ luân chuyển vốn lưu động bằng phương pháp phân tích phù hợp với mục tiêu phân tích.

1.3.4.1.3. Phân tích tốc độ luân chuyển hàng tồn kho

Phân tích số vòng quay HTK, Kỳ hạn tồn kho bình quân bằng phương pháp phân tích phù hợp, phục vụ việc ra quyết định quản trị.

1.3.4.1.4. Phân tích tốc độ luân chuyển các khoản phải thu

Phân tích số vòng quay các khoản phải thu; Kỳ thu tiền bình quân bằng phương pháp phân tích phù hợp, phục vụ việc ra quyết định quản trị.

1.3.4.1.5. Phân tích hiệu suất sử dụng vốn cố định

Phân tích thực trạng và sự biến động của chỉ tiêu hiệu suất sử dụng vốn cố định tại DN bằng phương pháp phân tích phù hợp, phục vụ việc ra quyết định.

1.3.4.2. Phân tích khả năng sinh lời của doanh nghiệp

Phân tích thực trạng và xu hướng biến động của các chỉ tiêu: Hệ số sinh lời cơ bản của tài sản (BEP), Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA), Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) bằng các phương pháp phân tích phù hợp để phục vụ việc ra quyết định.

1.3.4.3. Phân tích tình hình tăng trưởng của doanh nghiệp

Phân tích chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế, thực hiện trách nhiệm xã hội, trách nhiệm bảo vệ môi trường của DN để đánh giá tình hình tăng trưởng của DN toàn diện.

1.3.4.4. Phân tích dự báo rủi ro tài chính của doanh nghiệp

- Nhận diện rủi ro tài chính thông qua phân tích BCTC
- Rủi ro tài chính trong phân tích khả năng phá sản của DN

1.4. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH DN

1.4.1. Các nhân tố chủ quan

Bao gồm: quan điểm và nhận thức của các nhà quản trị; năng lực đội ngũ cán bộ phân tích; quy mô và lĩnh vực kinh doanh của DN; hỗ trợ của các phương tiện kỹ thuật; dữ liệu phân tích BCTC.

1.4.2. Các nhân tố khách quan

Bao gồm: môi trường pháp lý; hệ thống chỉ tiêu tham chiếu; môi trường quốc tế; môi trường kinh doanh trong nước

1.5. KINH NGHIỆM PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP TẠI MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI VÀ BÀI HỌC CHO CÁC DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

1.5.1. Kinh nghiệm phân tích BCTCDN tại một số nước trên thế giới

1.5.2. Bài học phân tích BCTC cho các doanh nghiệp Việt Nam

Thứ nhất, về tổ chức phân tích BCTC DN.

Thứ hai, về nội dung phân tích BCTC DN.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TẠI CÁC DOANH NGHIỆP THUỘC TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM

2.1. TỔNG QUAN VỀ CÁC DOANH NGHIỆP THUỘC TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM

2.1.1. Quá trình hình thành, phát triển của các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam

2.1.2. Đặc điểm của các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam ảnh hưởng đến phân tích BCTC DN

2.1.2.1. Đặc điểm tổ chức quản lý của các DN thuộc Tập đoàn VNPT

2.1.2.2. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam

2.2. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TẠI CÁC DN THUỘC TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM

2.2.1. Thực trạng tổ chức bộ máy, quy trình PT báo cáo tài chính

100% DN đều thực hiện việc tổ chức bộ máy phân tích BCTC sử dụng dữ liệu phân tích là BCTC, do bộ phận kế toán kiêm nhiệm. Việc lập kế hoạch phân tích BCTC chủ yếu là phục vụ nhu cầu báo cáo chủ sở hữu, một số DN chưa gắn với phục vụ quyết định quản trị.

2.2.2. Thực trạng về phương pháp phân tích báo cáo tài chính

- PP so sánh được thực hiện thường xuyên (Mean = 4.64).

- Các PP không được thực hiện có Mean = 1.00 gồm: phân tích độ nhạy để dự báo, dự báo dựa vào các hàm tài chính hoặc mô hình chấm điểm (Z score của Altman), hồi quy, sử dụng mô hình kinh tế lượng.

2.3. THỰC TRẠNG NỘI DUNG PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TẠI CÁC DOANH NGHIỆP THUỘC TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM

2.3.1. Thực trạng phân tích Bảng cân đối kế toán

2.3.1.1. Thực trạng phân tích tình hình huy động vốn

VNPT và các DN do VNPT sở hữu 100% VĐL đã thực hiện phân tích đáp ứng nhu cầu giám sát, nhưng mới chỉ phân tích chi tiết nguồn vốn vay để hình thành TSCĐ và XDCB mà chưa phân tích chuyên sâu nguồn vốn hình thành các loại TS khác, chưa phân tích chi tiết từng nguồn vốn. Ngoài ra, một số DN chưa phân tích sự bảo toàn vốn nhà nước và vốn điều lệ, chưa đánh giá sự biến động của các chỉ tiêu phân tích trong nhiều kỳ phân tích (từ 3 kỳ trở lên).

2.3.1.2. Thực trạng phân tích tình hình đầu tư

Hầu hết các DN đã phân tích quy mô, cơ cấu tài sản đầu tư trọng yếu trên Bảng CĐKT cũng như đánh giá sự biến động giữa kỳ phân tích và kỳ gốc. Nhiều DN chưa phân tích đầy đủ quy mô, cơ cấu đầu tư cho tất cả tài sản ngắn hạn và dài hạn và thực hiện so sánh các chỉ tiêu qua thời gian từ 3 kỳ phân tích trở lên, không thực hiện phân tích đầy đủ các chỉ tiêu phản ánh cơ cấu tài sản, ít thực hiện nội dung phân tích tình hình đầu tư tài sản cố định, phân tích tình hình đầu tư tài chính, hoặc hoàn toàn không thực hiện phân tích tình hình đầu tư bất động sản.

2.3.1.3. Thực trạng phân tích tình hình tài trợ

VNPT và các DN do VNPT sở hữu 100% VĐL đã phân tích tình hình tài trợ vốn cho hoạt động đầu tư TSCĐ và XDCB. Đa số các DN không phân tích các chỉ tiêu hệ số tự tài trợ tạm thời, hệ số tự tài trợ thường xuyên, chỉ tiêu vốn lưu chuyển. Vì vậy, chưa cung cấp được các thông tin tài trợ chi tiết trong ngắn hạn, dài hạn và tình hình vốn lưu chuyển.

2.3.1.4. Thực trạng phân tích công nợ

Các DN do VNPT sở hữu 100% VĐL và các DN niêm yết thực hiện phân tích khá thường xuyên các chỉ tiêu vòng quay công nợ phải thu, phải trả, cũng như phân tích chuyên sâu các khoản công nợ phải thu khó đòi, nợ

quá hạn, phân tích quy mô và cơ cấu các khoản phải thu, phải trả so với tổng số và qua các kỳ phân tích, tuy nhiên chưa thực hiện phân tích hệ số các khoản phải thu, các khoản phải trả, so sánh hệ số các khoản phải thu so với các khoản phải trả để thấy rõ hơn tình hình công nợ tại DN. Một số DN hoàn toàn không thực hiện phân tích các chỉ tiêu phản ánh cơ cấu nợ, chỉ tiêu nợ phải thu khó đòi, bên cạnh đó chỉ phân tích sơ sài một số khoản mục nợ trong nợ phải trả.

2.3.1.5. Thực trạng phân tích khả năng thanh toán

Tất cả các DN đều thực hiện phân tích khả năng thanh toán, tuy nhiên hầu hết mới phân tích khả năng thanh toán trong ngắn hạn, khả năng thanh toán nhanh mà chưa phân tích, đánh giá chuyên sâu trong tức thời, thanh toán nợ đến hạn, khả năng thanh toán lãi vay, nợ quá hạn. Ngoài ra DN áp dụng chỉ tiêu thanh toán nợ quá hạn theo TT 200/2015/TT-BTC giống chỉ tiêu phân tích khả năng thanh toán nợ ngắn hạn, nên chưa phản ánh đúng khả năng thanh toán nợ quá hạn của DN.

2.3.2. Thực trạng phân tích Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh

2.3.2.1. Thực trạng phân tích kết quả kinh doanh

100% các DN đều tiến hành phân tích kết quả kinh doanh, các DN đã thực hiện phân tích tương đối đầy đủ, chi tiết các chỉ tiêu về kết quả kinh doanh, sử dụng các thông tin trong và ngoài DN để tiến hành phân tích. Tuy nhiên, chưa phân tích tỷ trọng của từng loại doanh thu, chi phí, lợi nhuận so với tổng số, cũng như sự biến động các chỉ tiêu này qua các kỳ.

2.3.2.2. Thực trạng phân tích tình hình quản trị chi phí và sức sinh lời hoạt động

100% các DN đều phân tích sức sinh lời hoạt động thông qua chỉ tiêu ROS. Tuy nhiên ít DN phân tích tình hình quản trị chi phí thông qua các chỉ tiêu hệ số chi phí, hệ số giá vốn hàng bán, hệ số chi phí bán hàng, hệ số chi phí quản lý doanh nghiệp. Một số DN đã thực hiện phân tích thêm một vài chỉ tiêu để nhìn nhận rõ hơn sức sinh lời hoạt động.

2.3.3. Thực trạng phân Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

2.3.3.1. Phân tích khả năng tạo tiền của doanh nghiệp

Các DN thuộc VNPT có năng lực quản trị tốt như: Tổng công ty Vinaphone, KST, ICT... mới chỉ phân tích khái quát quy mô dòng tiền thu và chi trong kỳ theo số liệu trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ, chưa lập các bảng phân tích đầy đủ và chi tiết, chưa phân tích khả năng tạo tiền từng hoạt động. Nhiều DN thuộc VNPT không phân tích nội dung này như: Công ty cổ phần truyền thông những trang vàng, Công ty cổ phần thiết kế viễn thông tin học Đà Nẵng, Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và phát triển bưu điện Hà Nội, Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất thiết bị viễn thông, Công ty cổ phần Cokyvina...

2.3.3.2. Phân tích tình hình lưu chuyển tiền tệ của DN

Các DN thuộc VNPT hầu như không thực hiện phân tích các nội dung về tình hình lưu chuyển tiền. Khi có những bất ổn về tình hình lưu chuyển tiền tệ thì căn cứ vào các chỉ tiêu lưu chuyển tiền thuần của từng loại hoạt động trên BCLCTT để xác định dòng tiền thặng dư hay thâm hụt ở hoạt động nào, tìm hiểu nguyên nhân, đề xuất giải pháp nhằm điều chỉnh tình hình lưu chuyển tiền của các hoạt động để giải quyết các tình thế đe dọa khả năng thanh toán ngay của từng hoạt động.

2.3.4. Thực trạng phân tích liên báo cáo tài chính

2.3.4.1. Thực trạng phân tích hiệu suất sử dụng vốn

Công ty mẹ VNPT, VNPT-Vinaphone, VNPT-Media: đã thực hiện phân tích về hiệu suất sử dụng vốn kinh doanh và tình hình luân chuyển hàng tồn kho, nợ phải thu, chưa phân tích hiệu suất sử dụng VCD, vốn lưu động. Bên cạnh đó, PP sử dụng chỉ dừng lại ở PP so sánh. Một số DN chưa phân tích hiệu suất sử dụng vốn.

2.3.4.2. Thực trạng phân tích khả năng sinh lời

Các DN đã sử dụng các chỉ tiêu sinh lời chủ yếu là: ROA, ROE, hệ số lợi nhuận thuần từ HĐKD trên doanh thu thuần, Tỷ suất LNTT và lãi vay trên VCSH và nợ dài hạn. Tuy nhiên, chưa áp dụng PP phân tích nhân tố, dự báo để đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến KNSL.

2.3.4.3. Thực trạng phân tích tình hình tăng trưởng

Các DN đã sử dụng các chỉ tiêu tăng trưởng chủ yếu: tăng trưởng về tài sản, VCSH, doanh thu và lợi nhuận của DN cung cấp thông tin khái quát về tình hình tăng trưởng chủ yếu của DN. Một số DN có năng lực quản trị và tài chính tốt như công ty mẹ VNPT, VNPT-Vinaphone, VNPT-Media: Chưa thực hiện phân tích chỉ tiêu tăng trưởng dòng tiền. Đối với các chỉ tiêu tăng trưởng phi tài chính còn thực hiện phân tích sơ sài và chưa sử dụng nhiều trong việc ra quyết định quản trị. Đối với các DN có năng lực tài chính kém như VNPT-Land, công ty Stream Net chưa phân tích đầy đủ các chỉ tiêu tăng trưởng tài chính, hầu như mới chỉ phân tích tăng trưởng doanh thu, chi phí, lợi nhuận; hoàn toàn chưa phân tích bất kỳ nội dung nào về chỉ tiêu trách nhiệm xã hội và môi trường.

2.3.4.4. Thực trạng phân tích dự báo rủi ro tài chính

Các DN đã thực hiện phân tích rủi ro tài chính tại DN khi phân tích cùng các nội dung khác, mà chưa có nội dung riêng về phân tích rủi ro tài chính. Ngoài ra, đã thực hiện phân tích về rủi ro tỷ giá, rủi ro lạm phát và lãi suất, tuy nhiên chưa tìm hiểu đánh giá cụ thể các nguyên nhân dẫn đến rủi ro tài chính để đề xuất giải pháp cải thiện.

2.4. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÁC DOANH NGHIỆP THUỘC TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỆT NAM THÔNG VIỆT NAM

2.4.1. Những kết quả đạt được

2.4.1.1. Về tổ chức phân tích BCTC DN

2.4.1.2. Về nội dung phân tích BCTC DN

- ✓ Phân tích Bảng cân đối kế toán:
- ✓ Phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh
- ✓ Phân tích Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ
- ✓ Phân tích liên BCTC

2.4.2. Những hạn chế

2.4.2.1. Về tổ chức phân tích BCTC DN

2.4.2.2. Về nội dung phân tích BCTC DN

- ✓ Phân tích Bảng cân đối kế toán:
- ✓ Phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh
- ✓ Phân tích Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ
- ✓ Phân tích liên BCTC

2.4.3. Nguyên nhân của hạn chế

2.4.3.1. Nguyên nhân chủ quan

Chưa có quy định bắt buộc DN thuộc Tập đoàn phải phân tích BCTC tại DN phục vụ hoạt động quản trị. Ngoài ra, do chưa xây dựng hệ thống chỉ tiêu tài chính trung bình theo nhóm ngành nên chưa có cơ sở để các DN so sánh, đánh giá; bên cạnh đó việc đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ phân tích thường xuyên cho cán bộ tài chính của các DN, nhận thức của nhà quản lý về phân tích BCTC còn hạn chế.

2.4.3.2. Nguyên nhân khách quan

- Hiện nay tại các trường đại học chưa có chuyên ngành đào tạo về phân tích tài chính hoặc phân tích BCTC. Tại VN công việc phân tích BCTC DN chưa được coi là một nghề nên việc đào tạo, tuyển dụng nhân sự thực hiện chuyên trách về phân tích BCTC DN còn hạn chế.

- Về phía các cơ quan quản lý chức năng nhà nước: chưa có văn bản pháp lý quy định có tính bắt buộc về nội dung phân tích BCTC DN, xây dựng hệ thống chỉ tiêu tài chính trung bình ngành, làm cơ sở quan trọng để từng DN trong ngành có căn cứ để so sánh.

Chương 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TẠI CÁC DOANH NGHIỆP THUỘC TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM

3.1. BỐI CẢNH KINH TẾ XÃ HỘI, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN VÀ NGUYÊN TẮC HOÀN THIỆN PHÂN TÍCH BCTC TẠI CÁC DN THUỘC TẬP ĐOÀN VNPT

3.1.1. Bối cảnh kinh tế xã hội

3.1.2. Định hướng phát triển các DN thuộc Tập đoàn VNPT

- Định hướng của Chính phủ đối với việc phát triển Tập đoàn Bưu chính Viễn thông và các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn

- Định hướng về sự phát triển của Tập đoàn VNPT

3.1.3. Nguyên tắc hoàn thiện phân tích BCTC tại các DN thuộc Tập đoàn VNPT

Thứ nhất: Đề xuất giải pháp phải tuân thủ pháp luật và phù hợp thực tế

Thứ hai: Các giải pháp phải đồng bộ và toàn diện

Thứ ba: Nguyên tắc khả thi và hiệu quả

3.2. HOÀN THIỆN TỔ CHỨC PHÂN TÍCH BCTC TẠI CÁC DN THUỘC TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM

3.2.1. Hoàn thiện tổ chức bộ máy và quy trình phân tích BCTC

3.2.1.1. Hoàn thiện tổ chức bộ máy phân tích BCTC doanh nghiệp

Đề xuất giải pháp cho tất cả các DN thông qua phân công nhiệm vụ kiêm nhiệm cho từng nhân sự bộ phận kế toán phân tích một hoặc một số các chỉ tiêu tài chính liên quan đến phần hành mình phụ trách.

3.2.1.2. Hoàn thiện quy trình phân tích BCTCDN

Giải pháp chi tiết các công việc thực hiện trong quy trình phân tích BCTC ở các bước: (i) lập kế hoạch phân tích; (ii) tiến hành kiểm tra, phân tích BCTC và (iii) kết thúc phân tích, áp dụng cho tất cả DN.

3.2.2. Hoàn thiện về phương pháp phân tích báo cáo tài chính

3.2.2.1. Hoàn thiện phương pháp phân tích SWOT

Đề xuất áp dụng trong phân tích BCTC tại tất cả các DN thuộc tập đoàn VNPT, thông qua trình bày điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức từ với hai nội dung: (i) tổ chức phân tích BCTC và (ii) nội dung phân tích.

3.2.2.2. Hoàn thiện phương pháp phân tích nhân tố

Áp dụng phương pháp phân tích theo mô hình Dupont đối với các nội dung phân tích về khả năng sinh lời tại các DN thuộc Tập đoàn VNPT.

3.2.2.3. Bổ sung phương pháp dự báo theo mô hình Zscore của Altman

Các DN thuộc VNPT có hoạt động phân tích thường xuyên gồm: công ty mẹ VNPT, các DN do VNPT sở hữu 100% VĐL, các công ty niêm yết nên sử dụng mô hình dự báo của Altman vào đánh giá khả năng phá sản. Các DN khác cũng có thể tham khảo để áp dụng.

3.3. HOÀN THIÊN NỘI DUNG PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TẠI CÁC DOANH NGHIỆP THUỘC TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM

3.3.1. Hoàn thiện phân tích Bảng cân đối kế toán

3.3.1.1. Hoàn thiện phân tích tình hình huy động vốn

Giải pháp mẫu báo cáo tình hình huy động vốn cho các DN do VNPT sở hữu 100% VĐL và công ty mẹ VNPT và giải pháp về chỉ tiêu phân tích tình hình huy động vốn cho tất cả các DN thuộc Tập đoàn VNPT.

3.3.1.2. Hoàn thiện phân tích tình hình tài trợ

Giải pháp về áp dụng chỉ tiêu phân tích tình hình tài trợ với phương pháp phân tích phù hợp cho tất cả các DN thuộc Tập đoàn VNPT.

3.3.1.3. Hoàn thiện phân tích công nợ

Giải pháp về chỉ tiêu phân tích, quy trình phân tích công nợ và phân tích công nợ phục vụ việc ra quyết định kéo dài thời gian trả nợ của khách hàng, áp dụng cho tất cả các DN thuộc Tập đoàn VNPT.

3.3.1.4. Hoàn thiện phân tích khả năng thanh toán

Giải pháp áp dụng các chỉ tiêu phân tích khả năng thanh toán với phương pháp phân tích hợp lý cho tất cả các DN thuộc Tập đoàn VNPT.

3.3.2. Hoàn thiện phân tích báo cáo KQSXKD

Giải pháp áp dụng các chỉ tiêu phân tích tình hình quản trị chi phí và sức sinh lời hoạt động với phương pháp phân tích phù hợp cho tất cả các DN thuộc Tập đoàn VNPT.

3.3.3. Hoàn thiện phân tích Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Giải pháp hoàn thiện phân tích BCLCTT cho tất cả các DN thuộc Tập đoàn VNPT với việc phân tích các chỉ tiêu về khả năng tạo tiền và lưu chuyển tiền tệ theo các phương pháp phù hợp.

3.3.4. Hoàn thiện phân tích liên báo cáo tài chính

3.3.3.1. Hoàn thiện phân tích khả năng sinh lời

Giải pháp phân tích khả năng sinh lời tại các DN thuộc Tập đoàn VNPT thông qua sử dụng mô hình kinh tế lượng. Phương pháp này phù hợp với các DN có trình độ nhân sự phân tích tốt như công ty mẹ VNPT, VNPT-Vinaphone, VNPT-Media. Mô hình được cấu trúc như sau:

$$KNSL_{it} = \beta_0 + \beta_1 HSTS_{it} + \beta_2 CTTS_{it} + \beta_3 DBTC_{it} + \beta_4 DT_{it} + \beta_5 TUOI_{it} + \varepsilon_{it} \quad (1)$$

Trong đó: biến phụ thuộc là khả năng sinh lời của DN (KNSL), được đo bằng tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA) và tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE). Biến độc lập là hiệu suất sử dụng tài sản (HSTS), được tính bằng doanh thu trên tổng tài sản, cấu trúc tài sản (CTTS), tính bằng tổng tài sản ngắn hạn trên tổng tài sản dài hạn, đòn bẩy tài chính (DBTC) được tính bằng tổng nợ trên tổng tài sản, biến doanh thu (DT) tính bằng logarit của tổng doanh thu thuần và biến tuổi đời (TUOI) tính bằng logarit của số năm hoạt động kể từ khi thành lập đến nay.

3.3.3.2. Hoàn thiện phân tích hiệu suất sử dụng vốn

Giải pháp áp dụng với tất cả các DN thuộc Tập đoàn VNPT, thông qua sử dụng PP phân tích mức độ ảnh hưởng các nhân tố và các chỉ tiêu phân tích hiệu suất sử dụng vốn, để thấy rõ hơn những nhân tố tác động đến hiệu quả sử dụng vốn và thông tin phân tích.

3.3.3.3. Hoàn thiện phân tích khả năng tăng trưởng

Giải pháp về chỉ tiêu phân tích về tăng trưởng chỉ tiêu kinh tế, tăng trưởng trách nhiệm xã hội và tăng trưởng về bảo vệ môi trường.

3.3.3.4. Hoàn thiện phân tích dự báo rủi ro tài chính

Giải pháp về chỉ tiêu phân tích, đánh giá kết quả chỉ tiêu phân tích rủi ro để phát hiện rủi ro tài chính và áp dụng mô hình ZCore của Altman trong dự báo rủi ro phá sản các DN.

3.4. CÁC ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN GIẢI PHÁP

3.4.1. Về phía nhà nước

Một là, hoàn thiện các nội dung trong báo cáo tài chính theo hướng tạo thuận lợi trong việc bóc tách dữ liệu để phân tích các chỉ tiêu tài chính.

Hai là, yêu cầu các doanh nghiệp thực hiện phân tích BCTC và đưa các chỉ tiêu phân tích BCTC vào bảng thuyết minh BCTC của DN.

Ba là, sử dụng các chỉ tiêu tài chính vào xếp hạng doanh nghiệp.

Bốn là, hoàn thiện mẫu báo cáo tình hình huy động vốn cho các DN do VNPT sở hữu 100% VDL và công ty mẹ VNPT

Năm là, yêu cầu các DN nhà nước báo cáo việc thực hiện trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường vào thuyết minh BCTC

Sáu là, nhà nước tổ chức các khóa học về phân tích báo cáo tài chính cho bộ phận tài chính kế toán, các chủ doanh nghiệp để nâng cao nhận thức, kỹ năng chuyên môn phân tích BCTC, đưa công cụ phân tích BCTC trở thành một trong những công cụ quản trị hiệu quả, giúp nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD của DN

3.4.2. Về phía Tập đoàn VNPT

- Tập đoàn cần xây dựng quy định về việc thực hiện phân tích BCTC
- Tổ chức các buổi tập huấn, đào tạo về phân tích BCTC DN, cũng như có bộ phận chuyên trách về tiếp nhận, kiểm tra BCTC của các DN thuộc Tập đoàn. Bộ phận này ngoài việc tiếp nhận, phân tích, kiểm tra, phát hiện sai sót các BCTC, báo cáo phân tích BCTC thì sẽ làm công việc hỗ trợ, giải đáp về chuyên môn, nghiệp vụ cho các nhân sự thực hiện phân tích BCTC tại các DN thuộc Tập đoàn.

- Tổ chức các buổi hội thảo, tọa đàm trong Tập đoàn về kinh nghiệm phân tích BCTC DN để các DN có thể học hỏi, trao đổi kinh nghiệm phân tích BCTC với nhau, cũng như rút ra những hạn chế để có hướng xử lý kịp thời, hiệu quả.

- Yêu cầu các DN lập BCTC theo đúng quy định của pháp luật, các thông tin trên BCTC cần phải diễn giải đầy đủ, đáng tin cậy.

- Nâng cao nhận thức vai trò của công cụ phân tích BCTC DN, coi đây là một công cụ quan trọng để kiểm tra, giám sát hoạt động SXKD của DN, phát hiện những sai sót, rủi ro để đưa ra những giải pháp khắc phục.

- Lựa chọn những nhân sự có kiến thức về ngành nghề kinh doanh, bối cảnh kinh tế xã hội và chuyên môn tài chính kế toán. Ngoài ra, thường xuyên nâng cao trình độ của nhân sự phân tích thông qua các khóa học đào tạo, hội thảo chuyên đề phù hợp.

KẾT LUẬN CHUNG

Luận án đã đạt được các kết quả sau:

Thứ nhất, luận án đã tổng hợp và hệ thống hóa những vấn đề lý luận về phân tích báo cáo tài chính DN, trong đó chú trọng vào các vấn đề về tổ chức phân tích và nội dung phân tích BCTC DN. Luận án cũng đã tìm hiểu kinh nghiệm phân tích BCTC DN của một số nước trên thế giới và rút ra bài học cho Việt Nam.

Thứ hai, luận án đã nghiên cứu thực trạng về tổ chức phân tích, nội dung phân tích BCTC tại các DN thuộc Tập đoàn VNPT và tiến hành khảo sát thực trạng phân tích BCTC tại các DN thuộc tập đoàn VNPT. Từ kết quả khảo sát, luận án đã đưa ra kết luận về ưu điểm và hạn chế của hoạt động phân tích BCTC tại các DN thuộc Tập đoàn VNPT và giải thích nguyên nhân của các hạn chế.

Thứ ba, luận án đã trình bày định hướng phát triển của Nhà nước, Tập đoàn VNPT trong thời gian tới, thực trạng về tái cấu trúc, cổ phần hóa Tập đoàn VNPT, và đưa ra những nguyên tắc hoàn thiện phân tích BCTC tại các DN thuộc Tập đoàn VNPT.

Thứ tư, trên cơ sở phân tích lý luận, kinh nghiệm quốc tế và thực trạng phân tích BCTC, luận án đã đề xuất giải pháp hoàn thiện phân tích BCTC tại các DN thuộc Tập đoàn VNPT gồm: hoàn thiện về tổ chức phân tích BCTC và nội dung phân tích BCTCDN.

Thứ năm, để tăng tính khả thi cho các giải pháp hoàn thiện phân tích BCTC tại các DN thuộc Tập đoàn VNPT, luận án đã đưa ra những kiến nghị về điều kiện thực hiện giải pháp. Trong đó có những kiến nghị về phía Nhà nước và Tập đoàn VNPT.

Bên cạnh những kết quả đạt được của luận án, trong quá trình nghiên cứu, NCS không thể tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Vì vậy, NCS rất mong muốn nhận được sự đóng góp của các nhà khoa học để luận án được hoàn thiện hơn, có giá trị cao hơn về lý luận và thực tiễn.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Lê Thị Ánh (2018), *Phương pháp chuyển đổi báo cáo tài chính kế toán Việt Nam theo chuẩn mực quốc tế*, Tạp chí Tài chính, tháng 12.
2. Lê Thị Ánh (2019), *Một số lưu ý về chất lượng số liệu phân tích báo cáo tài chính DN*, Tạp chí Kinh tế - Châu Á Thái Bình Dương
3. Lê Thị Ánh (2020), *Phân tích hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh tại Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam*, Tạp chí Tài chính, tháng 12.
4. Nguyễn Trần Thái Hà, Lê Thị Ánh (2021), *Chất lượng Kiểm toán và giá cổ phiếu: Bằng chứng thực nghiệm tại Việt Nam*, Tạp chí Kế toán - Kiểm toán, tháng 10.
5. Lê Thị Ánh (2021), *Hoàn thiện chỉ tiêu phân tích khả năng thanh toán của các DN thuộc Tập đoàn VNPT*, Tạp chí Kế toán - Kiểm toán, tháng 10.
6. Lê Thị Ánh (2022), *Phân tích hiệu suất sử dụng vốn tại các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn VNPT*, Tạp chí Tài chính, tháng 03.
7. Lê Thị Ánh (2022), *Hoàn thiện phân tích doanh thu tại các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn VNPT*, Tạp chí Kế toán - Kiểm toán, tháng 03.
8. Dang Thanh Minh Tran, Thi Thu Hong Pham, Anh Thi Le (2022), *Do corporate social responsibilities support its financial performance? Evidence of the listed firms in Viet Nam*, Jurnal Ekonomi & Studi Pembangunan, April.